

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/01/26	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

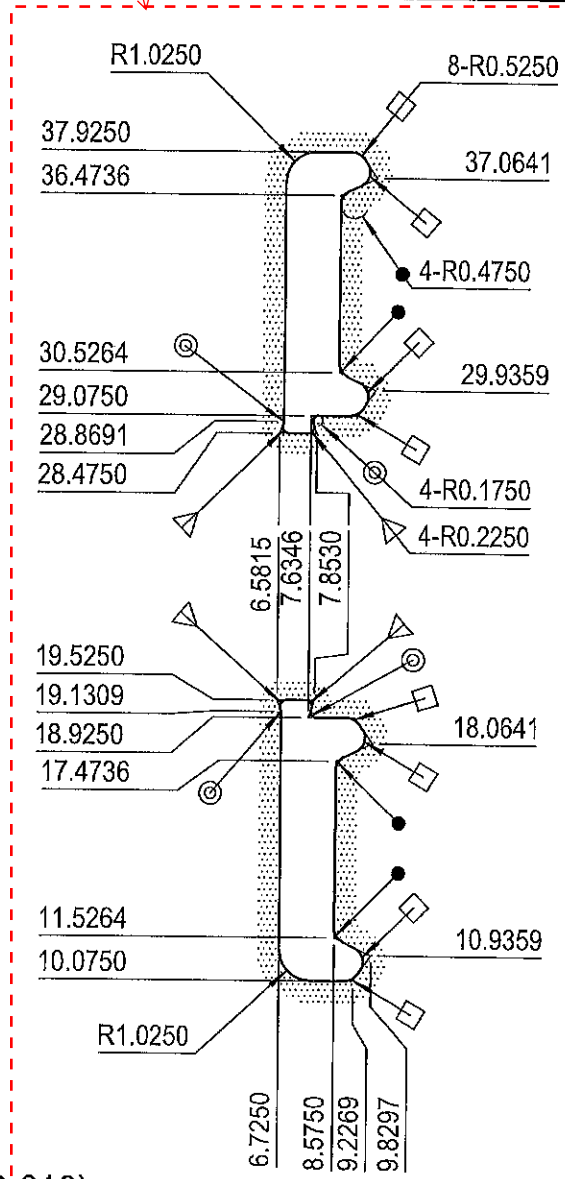
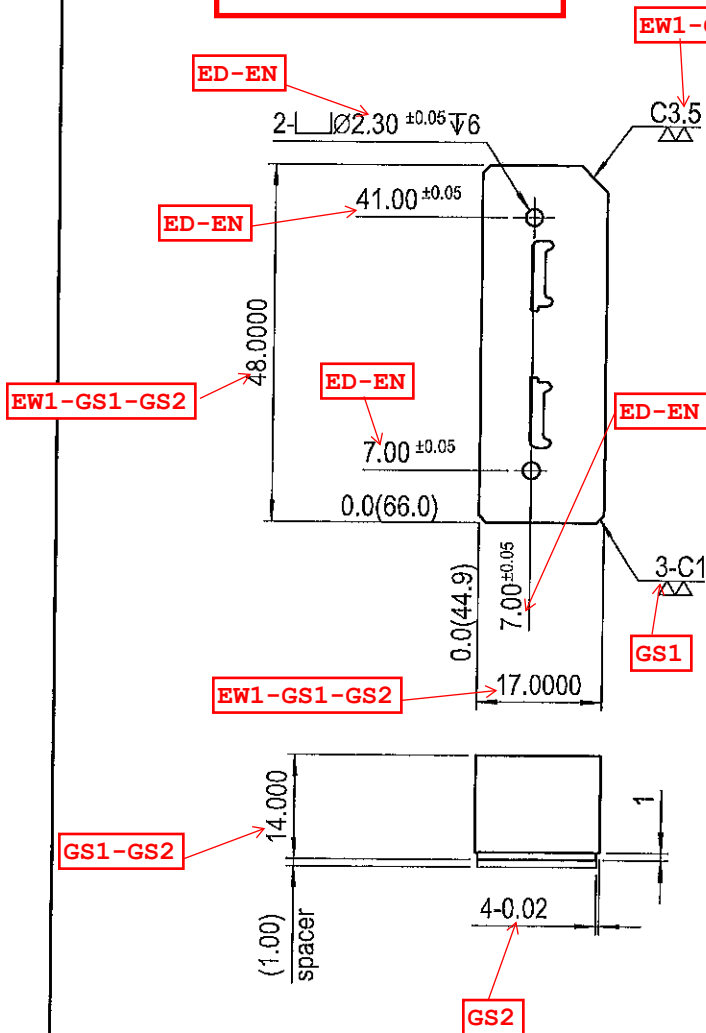
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G (▽▽)

EW1 ra phôi:
T16*17.5*48.5
Chọn mặt có C3.5
GS1:
-14.000=>lướt sáng
-17.000=>17.05
-48.000=>48.05

EW2 ok
GS2 canh lại vị trí



ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)
切刃ニゲ勾配ダイ上面より6'とする(KC-050)
4mm後1°ニゲ加工のこと(KC-051)

S CHUAN

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	部品図 PART DRAWING	トリミングダイ TRIMMING DIE
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図 部品図	外形沖切下模 外形沖切下模
HRC 0 ° ~ 0 °			DWG.No.
MATERIAL	DATE	SCALE	
WC(D30/HIP)	2018/01/26	1:1	R171116

SNO: R171116

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: T16*19*50	EW1:60 GS:60 ED:60 EW2:150 GS2:120 EN:120 KT